

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2009)
Ông Đỗ Đình Luyện	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2009)
Ông Đỗ Văn Khanh	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đàm Hải Giang	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2009)
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2009 và miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2009)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Khanh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009)
Ông Lương Trọng Diệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2009)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

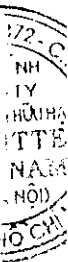
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010



Số: 307/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm toán các bút toán điều chỉnh nhằm trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được đề cập tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh trên là phù hợp và đã được thực hiện đúng đắn.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của riêng Tổng Công ty, do đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.



Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	
			31/12/2009	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.425.321.188.672	1.236.003.114.265
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	543.893.033.585	277.456.763.672
1. Tiền	111		84.511.617.463	27.456.763.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		459.381.416.122	250.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.538.500.160	375.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	44.538.500.160	375.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		631.786.084.107	514.370.216.922
1. Phải thu khách hàng	131		335.811.196.207	265.997.981.071
2. Trả trước cho người bán	132		8.722.867.529	5.978.400.767
3. Các khoản phải thu khác	135		289.768.470.609	245.610.931.003
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.516.450.238)	(3.217.095.919)
IV. Hàng tồn kho	140	8	177.508.651.857	54.572.569.304
1. Hàng tồn kho	141		177.508.651.857	54.572.569.304
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.594.918.963	14.603.564.367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.274.781.846	9.704.850.388
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.708.702.375	2.627.416.842
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.131.403.825
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.611.434.742	1.139.893.312
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.697.380.871.708	2.875.521.097.275
I. Tài sản cố định	220		9.183.331.082.690	2.019.339.183.812
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.024.787.234.293	1.871.588.735.787
- Nguyên giá	222		9.537.268.472.174	2.165.937.929.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(512.481.237.881)	(294.349.193.375)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	145.771.189.037	146.860.467.390
- Nguyên giá	228		156.402.116.803	152.800.712.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.630.927.766)	(5.940.244.612)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		12.772.659.360	889.980.635
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		274.338.152.894	815.705.842.894
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	226.457.482.894	684.407.172.894
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	7.880.670.000	7.880.670.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	40.000.000.000	123.418.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		239.711.636.124	40.476.070.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	227.278.238.296	17.667.987.269
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	804.731.654	8.329.259.751
3. Tài sản dài hạn khác	268		11.628.666.174	14.478.823.549
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.122.702.060.380	4.111.524.211.540

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

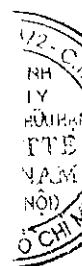
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
			(Trình bày lại)	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.978.822.655.304	2.053.864.066.313
I. Nợ ngắn hạn	310		1.423.115.768.377	1.008.827.293.825
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	801.746.546.832	535.419.811.104
2. Phải trả người bán	312		383.885.902.758	18.128.371.873
3. Người mua trả tiền trước	313		-	215.716.419.678
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	76.177.047.512	30.512.571.352
5. Phải trả người lao động	315		2.985.079.025	9.391.180.893
6. Chi phí phải trả	316		127.861.936.009	28.861.284.829
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		19.791.586.284	170.797.654.096
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		10.667.669.957	-
II. Nợ dài hạn	330		5.555.706.886.927	1.045.036.772.488
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.917.668.542	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	5.537.298.564.176	1.035.681.630.345
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.490.654.209	9.355.142.143
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.143.879.405.076	2.057.660.145.227
I. Vốn cổ đông	410	19	4.137.616.644.733	2.045.604.815.660
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	1.321.675.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.297.368.926	201.153.600.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.337.754.011)	28.268.157.694
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		172.475.772.087	120.675.894.428
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		91.187.018.868	65.170.555.541
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		392.912.088.863	308.661.567.997
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.262.760.343	12.055.329.567
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.262.760.343	12.055.329.567
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.122.702.060.380	4.111.524.211.540



Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

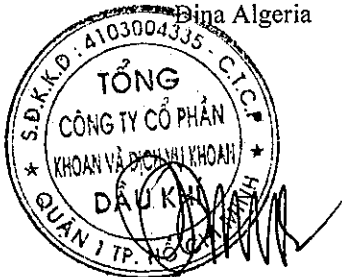
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	2.825.427	212.318
Euro	16.518	16.497
Bảng Anh	561	560
Đô la Singapore	5.722	-
Đina Algeria	6.095.159	39.418.953



Đỗ Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng



Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008	
			2009	(Trình bày lại)
1. Doanh thu gộp	01	20	1.471.258.567.480	1.548.326.461.012
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		1.471.258.567.480	1.548.326.461.012
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(629.134.365.170)	(625.385.357.314)
5. Lợi nhuận gộp	20		842.124.202.310	922.941.103.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	367.896.113.756	233.085.253.802
7. Chi phí tài chính	22	23	(256.836.553.356)	(188.917.745.911)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(70.479.019.039)</i>	<i>(78.375.568.609)</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(181.410.089.250)	(133.007.815.817)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		771.773.673.460	834.100.795.772
10. Thu nhập khác	31		48.300.008.305	17.139.827.420
11. Chi phí khác	32		(40.735.000.789)	(18.449.043.316)
12. Lợi nhuận/(Lỗ)khác	40		7.565.007.516	(1.309.215.896)
13. Lợi nhuận trước thuế	60		779.338.680.976	832.791.579.876
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	24	(41.950.336.076)	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	15	(7.545.293.039)	8.329.259.751
16. Lợi nhuận sau thuế	70		729.843.051.861	841.120.839.627



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đắc Tùng
Kê toán trưởng



Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

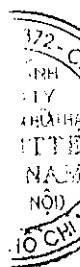
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	
		2009	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	779.338.680.976	832.791.579.876
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	223.588.095.511	162.642.621.042
Các khoản dự phòng	03	(700.645.681)	1.585.416.312
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	137.089.818.598	74.309.116.665
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(326.704.051.090)	(212.149.460.265)
Chi phí lãi vay	06	70.479.019.039	78.375.568.609
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	883.090.917.353	937.554.842.239
Tăng các khoản phải thu	09	(47.036.528.597)	(31.084.114.737)
Tăng hàng tồn kho	10	(122.932.713.825)	(41.970.901.851)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(1.112.142.047.646)	200.377.053.863
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(221.570.671.666)	54.768.781.957
Tiền lãi vay đã trả	13	(44.879.378.655)	(83.138.462.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.671.936.782)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(52.943.503.807)	(91.078.733.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(720.085.863.625)	945.428.465.807
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(903.416.885.070)	(147.338.812.067)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	383.000.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(70.000.000.000)	(510.082.039.735)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	397.476.742.308	173.858.101.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(192.940.142.762)	(483.562.750.135)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.095.862.905.326	305.583.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(543.282.611.104)	(210.093.558.528)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(367.521.865.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	552.580.294.222	(272.032.423.529)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	(360.445.712.165)	189.833.292.143
Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh		629.973.873.224	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	277.456.763.672	88.208.920.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(3.091.891.146)	(585.449.242)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	543.893.033.585	277.456.763.672



Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 305.432.192.770 đồng (2008: 1.873.275.532 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định trên đã bao gồm 1.873.275.532 đồng (2008: 0 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cổ tức được chia không bao gồm số tiền 159.683.931.824 đồng (2008: 83.176.467.688 đồng) là số cổ tức trong năm còn phải thu từ các công ty con. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức được chia trong năm đã bao gồm 83.176.467.688 đồng (2008: 66.466.508.045 đồng) là số cổ tức của năm trước đã thu trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 2.050.310.000 đồng (2008: 2.398.020.000 đồng) là số cổ tức Tổng Công ty đã dùng để tăng vốn góp đầu tư tại Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD ("PVD Training"). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trên báo cáo này.

Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm không bao gồm số tiền 998.638.899 đồng là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 5.046.599.999 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Trong năm 2009, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 526.244.260.000 đồng (2008: 220.277.740.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



Đỗ Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Theo Nghị quyết số 01/11/2008/NQ-ĐHDCĐ ngày 9 tháng 11 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt quyết định sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (“PVD Invest”) vào Tổng Công ty. Theo đó, vào ngày 4 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã phát hành thêm 25.716.285 cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của PVD Invest và các bên góp vốn theo hợp đồng góp vốn đầu tư giàn khoan PV Drilling III tại PVD Invest. Ngày 20 tháng 10 năm 2009, số lượng cổ phiếu phát hành thêm này đã chính thức niêm yết và giao dịch. Theo đó, Tổng Công ty đã phản ánh các nghiệp vụ sáp nhập với PVD Invest vào báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 kể từ ngày mua là ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan và các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

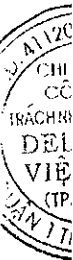
Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Theo công văn ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính, một số công ty con của Tổng Công ty, bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Địa vật lý Giếng khoan (“PVD Logging”), Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (“PVD Well”) và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (“PVD Tech”), không được hưởng ưu đãi thuế trong năm 2007 và 2008. Số thuế thu nhập doanh nghiệp các công ty này phải trả thêm cho năm 2007 và 2008 là 42.626.792.070 đồng.

Các công ty con đã trình bày lại số liệu trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 để phản ánh số thuế bổ sung cũng như điều chỉnh các khoản trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận còn lại chuyển về Tổng Công ty. Theo đó, doanh thu tài chính từ hoạt động đầu tư vào các Công ty con của Tổng Công ty cho năm 2007 và 2008 giảm lần lượt là 12.414.942.609 đồng và 20.048.230.535 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tổng Công ty đã trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 để phản ánh sự điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính từ các khoản đầu tư vào công ty con theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu khác (ngắn hạn)	278.074.104.147	245.610.931.003	(32.463.173.144)
Lợi nhuận chưa phân phối	341.124.741.141	308.661.567.997	(32.463.173.144)

	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008		
	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động tài chính	253.133.484.337	233.085.253.802	(20.048.230.535)
Lợi nhuận sau thuế	861.169.070.162	841.120.839.627	(20.048.230.535)

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

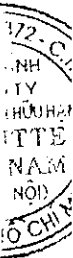
Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Tổng Công ty bị lỗ, Tổng Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 tăng 20.724.580.181 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 giảm với số tiền tương đương so với việc áp dụng theo VAS10.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Hợp nhất kinh doanh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện việc sáp nhập với công ty con, PVD Invest, việc sáp nhập được hạch toán theo hướng dẫn tại công văn số 3618/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính, theo đó giá trị tài sản và nợ phải trả của công ty con bị sáp nhập được ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày sáp nhập vào báo cáo riêng của Công ty mẹ. Chênh lệch giữa giá trị vốn cổ phần Công ty mẹ phát hành thêm cho cổ đông thiểu số của công ty con bị sáp nhập theo mệnh giá và giá trị tài sản thuần của Công ty con bị sáp nhập tại ngày sáp nhập được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần của Công ty mẹ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2009 <u>Số năm</u>	2008 <u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 10	6 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 8	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 4	3 - 4
Phương tiện vận tải	7	5 - 7
Giàn khoan	10 - 20	10 - 15

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao áp dụng cho một số loại tài sản cố định được mua mới từ năm 2009, thể hiện chi tiết trong bảng trên đây. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao không làm ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí khấu hao của Tổng Công ty trong năm.

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên cho thuê

Khoản tiền thuê thu từ các hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa, và phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Lợi thế doanh nghiệp Nhà nước khi cổ phần hóa được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản vô hình và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận từ ngày giao dịch và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất được hưởng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển sang tài khoản “Chi phí trả trước dài hạn”, trong trường hợp lỗ chênh lệch tỷ giá, hoặc “Doanh thu nhận trước”, trong trường hợp lãi để phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm năm kể từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Đề hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả khác có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý theo như trình bày tại Thuyết minh số 4. Các chênh lệch tỷ giá khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

172-C
ANH
TY
HỮU
TTE
NAM
À NỘI
HỒ CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	1.606.969.624	737.579.877
Tiền gửi ngân hàng	82.904.647.839	26.719.183.795
Các khoản tương đương tiền	459.381.416.122	250.000.000.000
	<u>543.893.033.585</u>	<u>277.456.763.672</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư với kỳ hạn trên ba tháng đến một năm.

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn	-	120.000.000.000
Trái phiếu chính phủ	44.538.500.160	-
Đầu tư khác	-	255.000.000.000
	<u>44.538.500.160</u>	<u>375.000.000.000</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	4.488.256.766	1.107.427.456
Nguyên liệu, vật liệu	171.737.005.992	52.132.260.408
Công cụ, dụng cụ	1.283.389.099	1.332.881.440
	<u>177.508.651.857</u>	<u>54.572.569.304</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Giàn khoan VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	18.287.154.036	26.015.829.417	15.291.481.509	9.697.675.313	2.096.645.788.887	2.165.937.929.162
Tăng do sáp nhập PVD Invest	-	1.096.770.599	11.300.000	684.746.880	-	1.792.817.479
Tăng trong năm	4.949.074.132	1.601.575.323	19.767.005.248	18.503.213.179	-	44.820.867.882
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	176.915.626.888	-	-	-	7.165.161.920.322	7.342.077.547.210
Thanh lý	-	-	(1.194.349.310)	-	-	(1.194.349.310)
Giảm khác	(668.311.978)	(475.650.687)	(156.459.153)	(2.024.369.174)	(12.841.549.257)	(16.166.340.249)
Tại ngày 31/12/2009	<u>199.483.543.078</u>	<u>28.238.524.652</u>	<u>33.718.978.294</u>	<u>26.861.266.198</u>	<u>9.248.966.159.952</u>	<u>9.537.268.472.174</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	4.984.723.083	3.196.236.192	6.037.500.985	4.466.876.243	275.663.856.872	294.349.193.375
Tăng do sáp nhập PVD Invest	-	669.628.097	7.962.318	252.024.885	-	929.615.300
Khấu hao trong năm	5.394.240.617	2.746.246.382	3.492.665.933	3.083.603.747	204.204.449.014	218.921.205.693
Thanh lý	-	-	(1.063.373.087)	-	-	(1.063.373.087)
Giảm khác	-	-	-	(655.403.400)	-	(655.403.400)
Tại ngày 31/12/2009	<u>10.378.963.700</u>	<u>6.612.110.671</u>	<u>8.474.756.149</u>	<u>7.147.101.475</u>	<u>479.868.305.886</u>	<u>512.481.237.881</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	<u>189.104.579.378</u>	<u>21.626.413.981</u>	<u>25.244.222.145</u>	<u>19.714.164.723</u>	<u>8.769.097.854.066</u>	<u>9.024.787.234.293</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>13.302.430.953</u>	<u>22.819.593.225</u>	<u>9.253.980.524</u>	<u>5.230.799.070</u>	<u>1.820.981.932.015</u>	<u>1.871.588.735.787</u>

Giảm khác thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản là 1.445.959.707 đina Algeria sang thành đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 7.353.395.529.465 đồng (2008: 3.571.767.320.103 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Lợi thế thương mại VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2009	109.833.329.400	28.717.408.294	14.249.974.308	152.800.712.002
Tăng do sáp nhập	-	-	40.788.590	40.788.590
Tăng trong năm	-	-	3.560.616.211	3.560.616.211
Tại ngày 31/12/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>28.717.408.294</u>	<u>17.851.379.109</u>	<u>156.402.116.803</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2009	-	4.123.854.020	1.816.390.592	5.940.244.612
Tăng do sáp nhập	-	-	23.793.336	23.793.336
Khấu hao trong năm	-	1.435.870.415	3.231.019.403	4.666.889.818
Tại ngày 31/12/2009	-	<u>5.559.724.435</u>	<u>5.071.203.331</u>	<u>10.630.927.766</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>23.157.683.859</u>	<u>12.780.175.778</u>	<u>145.771.189.037</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>109.833.329.400</u>	<u>24.593.554.274</u>	<u>12.433.583.716</u>	<u>146.860.467.390</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

doanh mới số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 9 năm 2009. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

PVD Well là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

PVD Logging là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

PVD Tech là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech tại số 21, đường Nguyễn Trung Ngạn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

PVD Training trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cụ thể như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký		Giá trị khoản đầu tư		Tỷ lệ sở hữu %
	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	
PVD Invest	-	1.000.000.000.000	-	510.000.000.000	
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	57.640.139.096	57.640.139.096	100
PVD Well Services	50.000.000.000	50.000.000.000	804.342.798	804.342.798	100
PVD Logging	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Tech	100.000.000.000	50.000.000.000	100.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Training	26.354.650.000	22.334.500.000	18.013.001.000	15.962.691.000	51
			226.457.482.894	684.407.172.894	

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng Công ty đã góp 7.880.670.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 1.000.000 đô la Mỹ của BJ-PVD, tương đương với 49% sở hữu của Tổng Công ty tại công ty này.

372-C
VN
TY
HỮU
HẠN
TTE
NAM
HỒ
CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	95.418.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	20.000.000.000	-
	<u>40.000.000.000</u>	<u>123.418.000.000</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	129.232.616.357	-
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II & III	81.097.442.665	639.076.927
Chi phí trả trước dài hạn khác	16.948.179.274	17.028.910.342
	<u>227.278.238.296</u>	<u>17.667.987.269</u>

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VNĐ</u>	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1/1/2008	-	-	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	1.827.212.043	6.502.047.708	8.329.259.751
Tại ngày 31/12/2008	<u>1.827.212.043</u>	<u>6.502.047.708</u>	<u>8.329.259.751</u>
Tăng do sáp nhập	20.764.942	-	20.764.942
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	354.165.042	(7.899.458.081)	(7.545.293.039)
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.202.142.027</u>	<u>(1.397.410.373)</u>	<u>804.731.654</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	-	314.074.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	801.746.546.832	221.345.311.104
	<u>801.746.546.832</u>	<u>535.419.811.104</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	23.699.431.292	23.536.010.356
Thuế nhập khẩu	-	1.053.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.921.856.004	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.316.256.145	6.637.495.625
Thuế nhà thầu	239.504.071	338.012.371
	<u>76.177.047.512</u>	<u>30.512.571.352</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản vay dài hạn	6.339.045.111.008	1.257.026.941.449
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	<u>(801.746.546.832)</u>	<u>(221.345.311.104)</u>
	<u>5.537.298.564.176</u>	<u>1.035.681.630.345</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	919.305.989.910	1.043.892.165.924
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí ("PVFC")	175.184.445.975	213.134.775.525
Khoản vay đồng tài trợ để đầu tư giàn khoan PV Drilling II	2.719.358.925.123	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") để đầu tư giàn khoan PV Drilling III	627.935.000.000	-
Khoản vay đồng tài trợ để đầu tư giàn khoan PV Drilling III	1.897.260.750.000	-
	<u>6.339.045.111.008</u>	<u>1.257.026.941.449</u>

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2005, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Vietcombank với số tiền 80.237.605 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan tự nâng đa năng 90 mét (PV Drilling I). Thời hạn của khoản vay là 109,5 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, trong đó có 25,5 tháng ân hạn. Khoản vay này được hoàn trả sáu tháng một lần trong 84 tháng sau khi kết thúc thời gian ân hạn. Khoản vay này được Petro Việt Nam, cổ đông chính của Tổng Công ty bảo lãnh, và chịu lãi suất lãi tiền vay bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay trong thời gian ân hạn được cộng dồn vào nợ gốc vay sáu tháng một lần.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với PVFC, một bên liên quan, với hạn mức tín dụng là 18.599.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan đất liền (PV Drilling 11). Thời hạn vay vốn là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 12 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị còn lại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 246.474.178.317 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 291.392.191.020 đồng). Khoản vay này chịu lãi suất tiền vay hàng năm bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với các bên là BIDV, PVFC và Eximbank với hạn mức tín dụng 155.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling II. Thời hạn vay vốn là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 24 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 3.325.293.141.786 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ được tính bình quân dựa trên tỷ lệ tại



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

trợ của các tổ chức tín dụng đồng tài trợ cộng với lãi suất biên và lãi suất vay này không vượt quá một mức cố định đã được thống nhất giữa các bên. Lãi vay được thanh toán sáu tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 18 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2010.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với BIDV với hạn mức 35.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling III. Thời hạn vay vốn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ của tổ chức kinh tế cộng với lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày ký hợp đồng vay.

Vào ngày 8 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty cũng đã ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ trị giá 115.000.000 đô la Mỹ với The Royal Bank of Scotland N.V (trước đây là ABN AMRO Bank N.V.) Australia và New Zealand Banking Group Limited, The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Oversea-Chinese Banking Corporation Limited, First Commercial Bank, Far East National Bank, Vietnam Technology Commercial Bank và Land Bank of Taiwan để tài trợ cho việc thanh toán các khoản vay bắc cầu ngắn hạn và nợ phải trả liên quan đến việc đầu tư mua sắm cho Dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling III. Khoản vay này được bảo lãnh bởi PetroVietnam và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 3.781.628.209.362 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất LIBOR ba tháng cộng lãi suất biên và được hoàn trả trong 5 năm sau 18 tháng ân hạn kể từ ngày ký hợp đồng vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Trong vòng một năm	801.746.546.832	221.345.311.104
Trong năm thứ hai	1.059.199.896.832	221.345.311.104
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.039.727.145.988	640.354.291.587
Sau năm năm	<u>1.438.371.521.356</u>	<u>173.982.027.654</u>
	6.339.045.111.008	1.257.026.941.449
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(801.746.546.832)</u>	<u>(221.345.311.104)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.537.298.564.176</u>	<u>1.035.681.630.345</u>

19. VỐN CỔ ĐÔNG

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 5 tháng 2 năm 2010 của Tổng Công ty, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.105.082.150.000 đồng (2008: 1.321.675.040.000 đồng).

	31/12/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phần được phép phát hành	210.508.215	132.167.504
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	210.508.215	132.167.504
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty. Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Petro Việt Nam") hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thay đổi vốn cổ đông trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối (Trình bày lại) VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	1.101.397.300.000	201.153.600.000	9.872.494.037	49.782.444.441	29.651.222.222	408.481.915.601	1.800.338.976.301
Cổ tức bằng cổ phần	220.277.740.000	-	-	-	-	(220.277.740.000)	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	18.395.663.657	-	-	-	18.395.663.657
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	841.120.839.627	841.120.839.627
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	(534.289.112.230)	(534.289.112.230)
Phân phối quỹ	-	-	-	70.893.449.987	35.519.333.319	(186.374.335.001)	(79.961.551.695)
Tại ngày 31/12/2008	1.321.675.040.000	201.153.600.000	28.268.157.694	120.675.894.428	65.170.555.541	308.661.567.997	2.045.604.815.660
Sáp nhập PVD Invest	257.162.850.000	1.181.143.768.926	(5.463.718.305)	(1.798.517.224)	(985.560.645)	(14.993.911.791)	1.415.064.910.961
Chênh lệch tỉ giá	-	-	(29.142.193.400)	-	-	-	(29.142.193.400)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	729.843.051.861	729.843.051.861
Cổ tức bằng cổ phần	526.244.260.000	-	-	-	-	(526.244.260.000)	-
Phân phối quỹ	-	-	-	53.598.394.883	27.002.023.972	(104.354.359.204)	(23.753.940.349)
Tại ngày 31/12/2009	2.105.082.150.000	1.382.297.368.926	(6.337.754.011)	172.475.772.087	91.187.018.868	392.912.088.863	4.137.616.644.733

Trong năm, Tổng Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 526.244.260.000 đồng (2008: 220.277.740.000 đồng) bằng việc phát hành thêm 52.624.426 cổ phiếu (2008: 22.027.774 cổ phiếu) cho các cổ đông hiện hữu sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đã phát hành 25.716.285 cổ phiếu để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của PVD Invest để hoàn tất việc sáp nhập PVD Invest như đã trình bày tại Thuyết minh số 1. Việc tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư và phát triển, các quỹ khác theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chi tiết chênh lệch tỉ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG của giai đoạn xây dựng cơ bản (PVD Invest) VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ VNĐ	Tổng số VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	9.872.495.037	-	-	9.872.495.037
Phát sinh trong năm	18.395.662.657	-	-	18.395.662.657
Tại 31/12/2008	28.268.157.694	-	-	28.268.157.694
Phát sinh trong năm	(13.881.331.524)	(118.389.960.899)	(20.724.580.181)	(152.995.872.604)
Chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	-	131.422.999.685	-	131.422.999.685
Chuyển vào doanh thu chưa thực hiện	-	(7.569.320.481)	-	(7.569.320.481)
Điều chỉnh do sáp nhập	-	(5.463.718.305)	-	(5.463.718.305)
Tại 31/12/2009	14.386.826.170	-	(20.724.580.181)	(6.337.754.011)

20. DOANH THU GỘP

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	1.399.921.577.141	1.503.016.439.145
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	71.336.990.339	45.310.021.867
	1.471.258.567.480	1.548.326.461.012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	606.517.837.927	605.585.984.198
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	22.616.527.243	19.799.373.116
	<u>629.134.365.170</u>	<u>625.385.357.314</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VNĐ	(Trình bày lại) VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.849.706.561	29.642.856.796
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	244.466.345.327	126.739.155.505
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	47.387.999.202	55.767.447.964
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.789.440.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.402.622.666	18.789.670.319
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.146.123.218
	<u>367.896.113.756</u>	<u>233.085.253.802</u>

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	70.479.019.039	78.375.568.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.879.258.598	36.183.071.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.614.760.945	74.309.116.665
Chi phí tài chính khác	3.863.514.774	49.989.295
	<u>256.836.553.356</u>	<u>188.917.745.911</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009	2008
	VNĐ	(Trình bày lại) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	779.338.680.976	832.791.579.876
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(291.854.344.529)	(202.554.834.004)
Trừ: Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	(12.568.585.728)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.054.083.102	81.777.696.962
Thu nhập chịu thuế	480.969.833.821	712.014.442.834
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	120.433.878.790	-
Giảm trừ thuế	(78.744.457.772)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	260.915.058	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>41.950.336.076</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo. Phần giảm thuế tương ứng trong năm là 78.424.742.870 đồng phát sinh từ việc áp dụng thuế suất bằng 50% thuế suất tiêu chuẩn trong năm hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại và PVD Invest tại ngày kết thúc hoạt động. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Nghĩa vụ thuế của PVD Invest sẽ được quyết toán đến trước thời điểm PVD Invest hoàn tất các thủ tục hành chính với cơ quan cấp phép đầu tư để rút giấy phép hoạt động kinh doanh sau khi đã được sáp nhập vào Công ty mẹ. Hiện tại, đến ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục theo yêu cầu.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria và PVD Invest mà cần phải lập dự phòng thêm.

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết vốn**

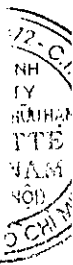
Vào ngày 3 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Keppel Fels Limited xây dựng giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (Tender Assist Drilling Rig – TAD) với giá trị hợp đồng là 192.053.854 đô la Mỹ. Dự kiến giàn khoan này sẽ được hoàn tất và đưa vào hoạt động trong Quý 4 năm 2011. Giàn khoan này được đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, trong đó Tổng Công ty góp 51% vốn hoạt động.

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	5.422.609.121	13.244.585.854
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.389.595.117	40.036.637.365
Sau năm năm	99.812.325.975	5.964.079.180
	<u>128.624.530.213</u>	<u>59.245.302.399</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và tiền chi phí dịch vụ phải trả cho tòa nhà Sailing Tower trong suốt thời gian thuê. Thời gian thuê thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009 <u>VND</u>	2008 <u>VND</u>
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	243.751.787.763	152.668.059.875
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>1.120.015.302.911</u>	<u>1.363.086.263.787</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	145.291.081.500	96.096.012.373
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>-</u>	<u>501.317.436.655</u>
Vay từ PVFC		
Hoàn trả	<u>47.424.660.153</u>	<u>44.954.031.500</u>

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2009 <u>VND</u>	2008 <u>VND</u>
Lương	4.821.816.490	4.165.775.341*
Tiền thưởng	4.821.069.819	4.900.163.737
Các khoản phúc lợi khác	288.000.000	168.000.000
	<u>9.930.886.309</u>	<u>9.233.939.078</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009 <u>VND</u>	31/12/2008 <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	325.476.148.095	15.618.327.718
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>157.840.699.933</u>	<u>270.064.724.659</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>4.870.785.722</u>	<u>168.098.437.759</u>
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>175.184.445.975</u>	<u>213.134.775.525</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	<u>12.408.188.494</u>	<u>166.464.000.000</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)


MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

28. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2010.




Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

